

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

NGHỀ: CÔNG NGHỆ Ô TÔ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 599/QĐ-CĐCG-KT&KDCL
ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới)*

Quảng Ngãi, năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 599/QĐ-CD-CG-KT&KDCL
ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới)*

Tên nghề: CÔNG NGHỆ Ô TÔ

Mã nghề: 5510216

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên.

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

- Chính trị, đạo đức:
 - + Hiểu biết những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật của nhà nước;
 - + Có ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động, lao động có kỹ thuật, có chất lượng và năng suất cao;
 - + Tích cực học tập và rèn luyện đạo đức để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.
- Thể chất, quốc phòng:
 - + Thường xuyên rèn luyện thân thể để có đủ sức khỏe học tập và công tác lâu dài;
 - + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác quân sự và tham gia quốc phòng.
- Chuyên môn:
 - + Có kiến thức về tác dụng, cấu tạo, nguyên lý hoạt động, các hao mòn hư hỏng thường gặp, phương pháp kiểm tra đánh giá hao mòn hư hỏng, phương pháp chăm sóc bảo dưỡng và sửa chữa cho các chi tiết, bộ phận, cơ cấu, hệ thống trên xe ô tô.
 - + Biết sử dụng các trang thiết bị chuyên ngành để làm và làm được các công việc của nghề như tháo lắp, đo kiểm tra, chăm sóc bảo dưỡng và sửa chữa cho các chi tiết, bộ phận, cơ cấu, hệ thống trên xe ô tô.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:
 - + Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề Công nghệ ô tô;

- + Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;
- + Hiểu được cách đọc bản vẽ kỹ thuật và phương pháp tra cứu tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- + Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;

- + Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong nghề Công nghệ ô tô;
- + Nêu được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và, vệ sinh công nghiệp.
- Kỹ năng:
 - + Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong nghề công nghệ ô tô;
 - + Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động;
 - + Thực hiện được công việc bảo dưỡng các hệ thống điều khiển bằng điện tử, khí nén và thủy lực trong ô tô;
 - + Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong công việc; sử dụng máy vi tính tra cứu được các tài liệu chuyên môn và soạn thảo văn bản;
 - + Làm được các công việc cơ bản của người thợ nguội, thợ hàn và thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô;
 - + Có khả năng tiếp thu công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;
 - + Kèm cặp và hướng dẫn tay nghề cho thợ bậc thấp hơn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Người lao động kỹ thuật có trình độ Trung cấp sau khi tốt nghiệp có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô, nhà máy lắp ráp và các trung tâm bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, được phân công làm việc ở các vị trí:

- Thợ sửa chữa tại các xí nghiệp bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- Nhân viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô;
- Công nhân các nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng mô đun/ môn học: 28
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1920 giờ - 82 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1665 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 617 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1198 giờ;
- Kiểm tra: 105 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thự c tập/thí nghiệm/ bài tập	Thi/ kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	12	255	94	148	13
MH 01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH 05	Tin học	2	45	15	29	1
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	4	90	30	56	4
II	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề</i>	73	1665	523	1050	92
II.1	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	20	360	201	139	20
MH 07	Điện kỹ thuật	3	45	42	0	3
MH 08	Cơ ứng dụng	3	45	34	9	2
MH 09	Vật liệu học	3	45	30	12	3
MH 10	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	3	45	30	12	3
MH 11	Vẽ kỹ thuật	3	60	30	27	3
MH 12	An toàn lao động	2	30	25	3	2
MĐ 13	Thực hành Hàn – Ngủi cơ bản	3	90	10	76	4
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	42	1095	270	767	58
MĐ 14	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	3	60	45	13	2
MĐ 15	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuy - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	5	120	24	90	6
MĐ 16	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	2	60	15	41	4
MĐ 17	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	60	23	33	4
MĐ 18	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	4	90	21	63	6
MĐ 19	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	4	90	22	62	6
MĐ 20	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	3	90	19	67	4
MĐ 21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	4	105	30	69	6

MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	60	14	42	4
MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	4	90	21	63	6
MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	4	90	21	63	6
MĐ 25	Thực tập sản xuất	5	180	15	161	4
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	8	210	52	144	14
MĐ 26	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô - xe máy	2	60	16	40	4
MĐ 27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	60	12	44	4
MĐ 28	Chẩn đoán - Sửa chữa PAN ô tô	4	90	24	60	6
	Tổng	82	1920	617	1198	105

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại

khóa:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: - Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên, Hội học sinh-Sinh viên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt .
5	Thăm quan, dã ngoại	Theo kế hoạch đào tạo năm học

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	Kiến thức, kỹ năng <i>(có thể lựa chọn một trong hai phương pháp sau):</i>		
1	Phương pháp 1:		
	- Môn thi lý thuyết	Viết	không quá 180 phút
		Vấn đáp	không quá 60 phút một học sinh
		Trắc nghiệm	không quá 90 phút
	- Môn thi thực hành	Bài thi thực hành	không quá 8 giờ
2	Phương pháp 2: Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Tích hợp	không quá 12 giờ

4.4. Các chú ý khác:

Trên cơ sở số môn học, mô đun trong chương trình đào tạo các cơ sở dạy nghề xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình được phê duyệt

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Nguyễn Kim Sơn

